

Số: 2745/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 03 tháng 12 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Phước**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Căn cứ Quyết định số 3482/QĐ-BNN-TCLN ngày 28/8/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 191/TTr-SNNPTNT ngày 06/11/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 01 (một) thủ tục hành chính mới ban hành, 01 (một) thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Phước.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch

UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ NN&PTNT;
- Cục KSTTHC - Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng: KTN, NC-NgV;
- Lưu: VT, P.NC-NgV. DN51

CHỦ TỊCH *Trần*



*Nguyễn Văn Trâm*

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI,  
BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH BÌNH PHƯỚC**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2745/QĐ-UBND ngày 03/12/2015  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

**Phần I  
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**

STT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Trang
<b>I. Lĩnh vực Lâm nghiệp</b>			
1	280720	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh	4

**2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung**

STT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Trang
<b>I. Lĩnh vực Lâm nghiệp</b>				
1	280721	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyên sang sử dụng cho mục đích khác	Thông tư số 26/2015/TT-BNNPTNT	6

**Phần II**  
**NỘI DUNG CỤ THỂ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN**  
**GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**I. Lĩnh vực Lâm nghiệp**

**1. Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh Bình Phước. Mã số hồ sơ: T-BPC-280720-TT.**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Chủ dự án có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế (thành phần, số lượng hồ sơ theo quy định).

- Bước 2: Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đơn giá trồng rừng, tổng số tiền, thời gian chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế.

- Bước 3: Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo bằng văn bản cho chủ dự án biết để thực hiện.

- Bước 4: Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh tiếp nhận, quản lý số tiền trồng rừng thay thế, giải ngân theo phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để tổ chức trồng rừng thay thế.

**b) Cách thức thực hiện:** Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản của chủ dự án;

+ Thuyết minh dự án đầu tư có thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:** 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân tỉnh

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế của chủ dự án.

**h) Phí, Lệ phí:** Không.

**k) Tên mẫu đơn, Tờ khai hành chính:** Không

**l) Yêu cầu/ điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**i) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Thông tư số 26/2015/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

---

## **2. Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác. Mã số hồ sơ T-BPC-280721-TT**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài là chủ dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác chịu trách nhiệm lập phương án trồng rừng thay thế gửi hồ sơ (thành phần, số lượng hồ sơ theo quy định) về Sở Nông nghiệp & PTNT thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

- Bước 2: Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Sở Nông nghiệp & PTNT thành lập Hội đồng và tổ chức thẩm định (*trường hợp Phương án trồng rừng thay thế có tổng diện tích dưới 50 ha thì không nhất thiết thành lập Hội đồng thẩm định Phương án với đầy đủ thành phần. Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT quyết định số lượng thành phần Hội đồng thẩm định phù hợp*). Trường hợp cần phải xác minh thực địa, thì thời gian thẩm định phương án được kéo dài không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc.

- Bước 3: Trường hợp hồ sơ không đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp & PTNT thông báo cho chủ dự án để biết.

- Bước 4: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng thẩm định, Sở Nông nghiệp & PTNT trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt phương án. Trường hợp không đề nghị UBND cấp tỉnh xem xét phê duyệt phương án, Sở Nông nghiệp & PTNT phải trả lời cho chủ dự án biết lý do.

- Bước 5: Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị phê duyệt phương án của Sở Nông nghiệp & PTNT trình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải phê duyệt phương án; trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải thông báo cho Sở Nông nghiệp & PTNT rõ lý do để trả lời cho chủ dự án biết.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

### **c) Thành phần và số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị phê duyệt phương án (theo mẫu tại Phụ lục 01 của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT).

+ Phương án trồng rừng thay thế (theo mẫu tại Phụ lục 02 của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT).

- Số lượng hồ sơ: 05 bộ (01 bản chính và 04 bản sao).

**d) Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 20-35 ngày làm việc.

**đ) Đối tượng thực hiện tổ chức hành chính:** Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp & PTNT

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác.

**h) Lệ phí:** Không

**i) Tên mẫu đơn, tờ khai:**

- Đề nghị phê duyệt phương án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang sử dụng cho mục đích khác;
- Phương án trồng rừng thay thế.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**l) Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp & PTNT Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

- Thông tư số 26/2015/TT-BNNPTNT ngày 29/07/2015 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp & PTNT Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

*Mẫu đơn, tờ khai đính kèm*

---



**Phụ lục 01:**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .....tháng ..... năm.....

**ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN  
TRỒNG RỪNG THAY THẾ KHI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG  
SANG SỬ DỤNG CHO MỤC KHÁC**

**Dự án:**.....

**Kính gửi** .....

**Tên tổ chức:**.....

**Địa chỉ:**.....

Căn cứ Thông tư 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 6/5/2013 Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang sử dụng cho mục đích khác, đề nghị ..... phê duyệt phương án trồng rừng thay thế như sau:

Tổng diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng:

Loại rừng chuyển mục đích sử dụng:

Đối tượng rừng chuyển đổi:

Diện tích đất trồng rừng thay thế:

Vị trí trồng rừng thay thế: thuộc khoảnh..., tiểu khu.... xã....huyện....tỉnh...

Thuộc đối tượng đất rừng (Phòng hộ, đặc dụng, sản xuất):.....

Phương án trồng rừng thay thế:

- Loại cây trồng.....

- Phương thức trồng (hỗn giao, thuần loài):.....

- Mức đầu tư bình quân 1 ha (triệu đồng):.....

- Thời gian trồng:.....

Tổng mức đầu tư trồng rừng thay thế:.....(tên tổ chức) cam

đoan thực hiện đúng quy định của nhà nước về trồng rừng thay thế, nếu vi phạm hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện của tổ chức**

(ký, đóng dấu)



## Phụ lục 02:

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2013/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

### PHƯƠNG ÁN TRỒNG RỪNG THAY THẾ

#### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

#### II. CĂN CỨ XÂY DỰNG

#### III. KHÁI QUÁT VỀ DIỆN TÍCH RỪNG, ĐẤT RỪNG CHUYỂN ĐỔI MỤC ĐÍCH

1. Tên dự án:
2. Vị trí khu rừng: Diện tích.....ha, Thuộc khoảnh, .....lô .....  
Các mặt tiếp giáp.....;
- Địa chỉ khu rừng: Thuộc xã.....huyện.....tỉnh.....;
3. Địa hình: Loại đất.....độ dốc.....;
4. Khí hậu:.....;
5. Tài nguyên rừng (nếu có): Loại rừng .....

#### IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

#### V. XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Phương án án 1: Chủ đầu tư tự thực hiện
  - Tổng diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng:
  - Loại rừng chuyển mục đích sử dụng:
  - Đối tượng rừng chuyển đổi:
    - + Trạng thái rừng.....
    - + Trữ lượng rừng.....m<sup>3</sup>, tre, nứa.....cây
  - Diện tích đất trồng rừng thay thế:
    - + Vị trí trồng: thuộc khoảnh..., tiểu khu.... xã.....huyện.....tỉnh...
    - + Thuộc đối tượng đất rừng (Phòng hộ, đặc dụng, sản xuất):.....
  - Kế hoạch trồng rừng thay thế
    - + Loại cây trồng.....
    - + Mật độ.....
    - + Phương thức trồng (hỗn giao, thuần loài):.....
    - + Chăm sóc, bảo vệ rừng trồng:
    - + Thời gian và tiến độ trồng:.....
    - + Xây dựng đường băng cản lửa.....
    - + Mức đầu tư bình quân 1 ha (triệu đồng):.....



+ Tổng vốn đầu tư trồng rừng thay thế.

2. Phương án 2: Nộp tiền về quỹ bảo vệ và phát triển rừng (do hết quỹ đất)

- Lý do xây dựng phương án

- Dự toán kinh phí thực hiện phương án

### **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

.....

